

*Bản án số: 795 /2019/HSPT
Ngày 17/12/2019*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 540/2019/TLPT ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo Hà Quang L và các bị cáo khác phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Hà Quang L, sinh năm 1999; trú tại: Thôn 2, xã MC, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hà Quang B và bà Nguyễn Thị H1; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ Lê Thị T, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/9/2018 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; trú tại: Thôn 5, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị X; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm tuyên phạt 21 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, “Hủy hoại tài sản”; Nguyễn Văn H đã chấp hành xong hình phạt, án phí dân sự và bồi thường cho người bị hại theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/9/2018 cho đến nay (có mặt).

3. Phạm Xuân Q, sinh năm 1991; trú tại: Thôn 8, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn S và bà Đỗ Thị Th; gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con út; chưa có vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 08/9/2018 cho đến nay (có mặt).

4. Tổng Văn N, sinh năm 1999; trú tại: Thôn TM, xã DL, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Tổng Văn Ch1 và bà Lê Thị Ng; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; chưa có vợ con; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 07/9/2018 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Quang L*: Các Luật sư Nguyễn Văn H1 và Tạ Đức T2 - Công ty Luật Hợp danh The Light thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (đều có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H*: Các Luật sư Nguyễn Minh Ng1 và D2 Mỹ T3 - Công ty Luật Hợp danh The Light, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (đều có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân Q*: Luật sư Phạm Văn M - Công ty luật TNHH Năm Châu, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo khác, các đương sự khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Chiều ngày 06/9/2018, Phạm Xuân Q rủ Nguyễn Văn H, Hà Quang L, Hà Việt A1, và Tổng Văn N đến nhà chơi. Sau khi ăn tối ở nhà Q, tất cả rủ nhau đi chơi rồi hẹn nhau tập trung về phòng trọ của H thuê tại khu phố Lê Lợi, thị trấn TS, huyện TS để đi giải quyết mâu thuẫn cá nhân với một người có tên là “Lan Gấu”.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi H, Q và L đang đứng trước cổng khu nhà trọ thì có nhóm người đi xe máy qua gồm các anh: Trịnh Văn D2, Trịnh Văn Đ2, Ngô Sỹ T3, Lê Hữu X2 và Lê Văn L. Anh D2 điều khiển xe máy đánh võng sát lại chỗ H, Q, L đang đứng và nói: “Bọn mày ở đâu ?, Thích đánh nhau à”, rồi rồ ga phóng xe máy đi. H, L và Q bức tức với sự khiêu khích đánh nhau của anh D2 liền chạy vào phòng trọ gọi Tổng Văn N, Hà Việt A1 và Trịnh Tuấn A2 cầm hung khí để đuổi theo nhóm anh D2. Hà Quang L dùng xe máy Dream chở Q ngồi giữa, H ngồi sau đeo túi da bên trong đựng một khẩu súng ngắn (loại súng hơi ga bắn đạn bi). N điều khiển xe máy chở Việt A1 cầm một thanh kiếm và Tuấn A2 cầm một đoạn tuýp sắt, một đoạn gậy gỗ. Khi đuổi kịp nhóm anh D2, L rồ ga vượt lên phía trước anh D2; thấy vậy, anh D2 cũng rồ ga tiến lên chèn ép xe L và nói “Bay thích đánh nhau à”, rồi tiếp tục ép xe và dùng chân đạp vào xe L. Hai xe ép nhau đến đoạn đường trước khu vực công ty TNHH “RollSport” thuộc địa phận khu phố Bà Triệu, thị trấn TS thì va chạm khiến những người trên hai xe đều ngã xuống đường. Lúc này Phạm Xuân Q nói “Thằng H lấy súng ra bắn chết mẹ hắn đi”, ngay lập tức H đứng

dậy lấy súng giơ trước mặt anh Đ2 nói “Mi có tin tao bắn chết không”. Bị H dùng súng dọa bắn, anh Đ2 lao vào ôm giằng co súng với H. Thấy vậy, Phạm Xuân Q và Hà Quang L cùng lao vào đánh anh Đ2; Q dùng tay phải đâm vào mặt anh Đ2, ôm kéo anh Đ2 ra khỏi H; L dùng tay đâm vào đầu anh Đ2, sau đó dùng con dao bấm gấp đem theo đâm anh Đ2 nhiều nhát vào vùng hông, đùi. Lúc này anh Đ2 (em trai anh Đ2) và nhóm bạn đi xe máy đến thấy anh Đ2 bị đánh nên anh Đ2 xuống xe lao vào can ngăn. Tổng Văn N điều khiển xe máy chở Việt A1 và Tuấn Anh đến, khi anh Đ2 đang giằng co với L, H và Q thì N dừng xe cho Việt Anh cầm kiếm, Tuấn A2 cầm gậy gỗ đuổi đánh anh Đ2. Tuấn A2 đuổi anh Đ2 không được nên quay lại còn Việt A1 tiếp tục cầm kiếm đuổi theo chém trúng hai nhát vào người anh Đ2, anh Đ2 chạy được vào nhà dân nhờ giúp, Việt A1 không đuổi nữa.

Do bị L dùng dao đâm, anh Đ2 buông người H ra và gục ngã ngay tại chỗ. Thấy vậy, H và Q lên xe máy do L điều khiển, còn Tuấn A2, Việt A1 lên xe máy do N điều khiển bỏ chạy khỏi hiện trường. Anh Đ2 và mọi người đưa anh Đ2 đến Bệnh viện đa khoa huyện TS, nhưng anh Đ2 đã chết. Anh Trịnh Văn Đ2 sau khi được sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện TS thì được chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07/9/2018, Tổng Văn N đã đến Công an huyện TS đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội. Ngày 08/9/2018, Phạm Xuân Q đến Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú khai báo về hành vi phạm tội. Các bị cáo Hà Quang L, Nguyễn Văn H, Trịnh Tuấn A2 và Hà Việt A1 sau khi gây án đã bỏ trốn. Ngày 15/9/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra đã bắt được các đối tượng tại phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Khám nghiệm hiện trường vào hồi 21 giờ 30 phút ngày 06/9/2018, xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại đường liên huyện thuộc địa phận phố Bà Triệu, thị trấn TS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Đường chạy theo hướng Bắc - N, nối đường Tỉnh lộ 514 với đường Quốc lộ 47 và được trải nhựa bằng phẳng, lòng đường rộng 3,5 m, hai bên lề đường rộng 3 m. Khu vực xảy ra vụ án tại đoạn đường tương ứng với khu đất Công ty TNHH RollSport về phía Đ2, phía Tây tương ứng với số nhà 203 và 204 phố Bà Triệu.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường phát hiện:

Vết cào trên mặt đường 52 x 0,5 cm, đầu vết cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đ2 N 11,4 m, cách mép đường phía Tây về phía Đông 85 cm, cuối vết cách mép đường phía Tây về phía Đông 77 cm. Vết có chiều hướng từ Nam ra Bắc (số 4).

Tại vị trí cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 07 m, cách mép đường phía Tây về phía Đông 90 cm phát hiện 01 tẩu thuốc lá (số 3).

Trên mặt đường sát với mép đường phía Tây phát hiện 01 đám chất màu nâu đỏ (nghi máu) 5 x 1,5 m, đầu mép cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 7,5 m, cuối vết cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 3,5 m (số 2). Tại cuối vết phát hiện 01 đôi dép lê màu xanh. Ngay sát cuối vết phát hiện 01 dấu giày in màu nâu đỏ (nghi máu).

Vết tỳ trượt hình vòng cung in hình vân hoa lốp và chất màu nâu đỏ (nghi máu) trên mặt đường và lề đường phía Đông 15 x 0,04 m, đầu vết nằm ở cuối vết số 2, vết chạy phía Nam. Tại vị trí đường của hình vòng cung chỗ xa nhất cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 7,6 m, cách mép đường phía Tây về phía Đông 4,4 m (số 5).

Vết tỳ trượt in hình vân hoa lốp và chất màu nâu đỏ (nghi máu) trên mặt đường 11 x 0,04 m chạy gần song song với mép đường phía Tây 110 cm. Đầu vết nằm ở khoảng giữa vết số 2, vết chạy về phía Nam (số 6).

Trên lề đường phía Tây cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Nam 3,5 m, cách mép đường phía Tây về phía Tây 1,5 m phát hiện 01 đám chất màu nâu đỏ (nghi máu), 2 x 1 m (số 1).

Quá trình tuần tra, Công an xã Minh Sơn phát hiện thu giữ tại khu vực trạm bơm xã Minh Sơn 01 túi bằng da màu đen (loại túi một quai), quai túi làm bằng vải dù màu đen, miệng nắp túi có in chìm dòng chữ “Jeep-Buluo”. Bên trong túi có 01 khẩu súng ngắn màu đen, đã cũ, nòng súng dài 19 cm; báng súng dài 11 cm; súng có ký hiệu số: No 871072 có gắn hộp tiếp đạn dài 12,5 cm, rộng 3,5 cm, trong hộp tiếp đạn có 04 viên bi bằng kim loại màu trắng sáng.

Ngày 06/11/2018, cơ quan điều tra cho Nguyễn Văn H nhận dạng qua ảnh đối với khẩu súng. Kết quả: H nhận dạng được khẩu súng chính là khẩu súng mà H đã dùng để đe dọa anh D2 vào tối ngày 06/9/2018.

Kết luận giám định số 2184/PC09 ngày 24/10/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Khẩu súng thu được không phải là vũ khí quân dụng, không có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi nạn nhân Trịnh Văn D2 vào hồi 22 giờ 50 phút ngày 06/9/2018, thể hiện:

Dấu vết tổn thương trên cơ thể: Vết rách da dạng hình bầu dục 02 x 0,5 cm tại mặt trong 1/3 trên đùi trái, vết có chiều từ sau về trước, từ dưới lên trên, bờ mép vết sắc gọn, vết cao cách gót chân 67 cm.

Mổ tử thi: Rạch da mở rộng vết thương vùng đùi trái: Tổ chức dưới da, cơ quanh rãnh thương tụ ngấm máu. Tụ máu tổ chức quanh động mạch đùi trái. Rãnh thương xuyên đứt nhóm cơ vùng đùi trái tương ứng, xuyên rách động mạch đùi trái tương ứng 02 x 0,4 cm.

Giám định pháp y tử thi số 1850/GĐPY-PC09 ngày 12/9/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận nguyên nhân chết của Trịnh Văn D2: “Sốc mất máu do rách động mạch đùi trái”.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Trịnh Văn D2, thể hiện:

- 01 (Một) vết rách da tại vùng bụng trái 2,5 x 0,3 cm; 01 (Một) vết rách da tại vùng cằm đầu bên trái 5,5 x 0,3 cm.

Giám định pháp y về thương tích số 581/2018/TTPY ngày 12/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Tỷ lệ phần trăm thương tích đối với các vết thương của Trịnh Văn D2 là 10% (Mười phần trăm).

Người đại diện của anh Đ2 là bà H Thị Hạnh báo cáo, yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản gồm:

Chi phí mai táng cho anh Trịnh Văn Đ2 là: 42.500.000 đồng;

Bồi thường tổn thất tinh thần = 100 tháng lương tối thiểu = 139.000.000 đồng;

Tiền cấp dưỡng một lần = 50.000.000 đồng;

Chi phí ăn uống = 20.000.000 đồng;

Tổng cộng = 251.000.500 đồng.

Anh Đ2 yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản gồm:

Chi phí điều trị là: 11.221.000 đồng;

Chi phí ăn sinh hoạt tại bệnh viện: 3.000.000 đồng;

Tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 22 ngày x 400.000 đồng/ngày = 8.800.000 đồng;

Tiền mất thu nhập người chăm sóc với thời gian như trên = 2.400.000 đồng;

Bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị = 10.000.000 đồng;

Bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại = 15 tháng lương tối thiểu = 20.850.000 đồng;

Tổng cộng = 56.271.000 đồng.

Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho đại diện của anh Đ2 tổng số tiền là 44.000.000 đồng, trong đó: Gia đình Hà Quang L và Nguyễn Văn H mỗi gia đình bồi thường 15.000.000 đ, gia đình Phạm Xuân Q bồi thường 14.000.000 đ.

Gia đình bị cáo Hà Việt A1 đã nộp cho cơ quan điều tra số tiền 7.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại Trịnh Văn Đ2, nhưng do gia đình người bị hại không nhận nên số tiền trên được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình Tống Văn N bồi thường cho anh Đ2 20.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HSST ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tuyên bố: Các bị cáo Hà Quang L, Phạm X2 Q và Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người”. Các bị cáo Hà Việt A1 và Tống Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Quang L 17 (mười bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/9/2018.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt Phạm Xuân Q 13 (mười ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 08/9/2018.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn H 13 (mười ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/9/2018.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, các khoản 1, 3, 4, 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự; Xử phạt Hà Việt A1 15 (mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/9/2018.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt Tống Văn N 18 (mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 07/9/2018.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng điểm khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357; Điều 590, Điều 591 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho bà Hoàng Thị H3 các khoản sau:

- Chi phí mai táng anh Trịnh Văn D2 42.500.000 (Bốn hai triệu năm trăm nghìn) đồng;

- Bồi thường tổn thất tinh thần tương đương 100 tháng lương tối thiểu = 139.000.000 (Một trăm ba chín triệu) đồng;

- Cấp dưỡng một lần = 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng;

Tổng cộng = 231.500.000 (Hai trăm ba một triệu năm trăm nghìn) đồng;

Chia phần:

- Bị cáo L bồi thường 115.750.000 (một trăm mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trừ số tiền đã giao trước 15.000.000 triệu đồng, còn phải bồi thường tiếp 100.750.000 (một trăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường 57.875.000 (năm bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trừ số tiền đã giao trước 15.000.000 triệu đồng, còn phải bồi thường tiếp 42.875.000 đồng (bốn hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn).

- Bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 57.875.000 (năm bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trừ số tiền đã giao trước 14.000.000, còn phải bồi thường tiếp 43.875.000 đồng (bốn ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Hà Việt A1 và Tống Văn N liên đới bồi thường cho anh Trịnh Văn Đ2 các khoản sau:

- Chi phí điều trị 11.221.000 đồng (mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn);

- Chi phí ăn ở tại bệnh viện 3.000.000 (ba triệu đồng);

- Mất thu nhập trong thời gian điều trị 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn đồng);

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe 10.000.000 (mười triệu đồng);

- Bồi thường tổn thất tinh thần tương đương 5 tháng lương tối thiểu = 6.950.000 (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng);

Tổng cộng = 39.971.000 (ba chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng);

Chia theo phần:

- Bị cáo Hà Việt A1 19.985.500 đ (mười chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trừ số tiền đã nộp 7.000.000 (bảy triệu đồng), còn phải

bồi thường tiếp 12.985.000 (mười hai triệu chín trăm tám trăm năm trăm đồng); Bà Trịnh Thị H4 (mẹ bị cáo) có nghĩa vụ thực hiện phần bồi thường của bị cáo Hà Việt A1.

- Tổng Văn N 19.985.500 đ (mười chín triệu chín trăm tám trăm nghìn đồng), đã tự nguyện bồi thường xong 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Trả cho anh Trịnh Văn Đ2 số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu) của gia đình Hà Việt A1 nộp vào tài khoản số 39490105419600000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa mở tại Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa,.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2019, bị cáo Tổng Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/6/2019, bị cáo Phạm Xuân Q kháng cáo kêu oan.

Ngày 13/6/2019, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và xin giảm hình phạt.

Ngày 17/6/2019, bị cáo Hà Quang L kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và xin giảm hình phạt.

Ngày 11/6/2019, bị cáo Hà Việt A1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Hà Việt A1 có đơn xin rút đơn kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Hà Việt A1 (Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 70/2019/HSPT-QĐ ngày 28/10/2019).

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Q, H, L cho rằng không phạm tội “Giết người” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của bị cáo H: Lời khai của các nhân chứng có trong hồ sơ là không khách quan, bị cáo xin được đối chất với các nhân chứng và điều vô lý trong vụ án này là nếu bị cáo chĩa súng trước mặt anh D2 thì anh D2 không thể lao vào ôm bị cáo từ phía sau được.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo H: Xét mối tương quan lực lượng giữa nhóm anh D2 và nhóm các bị cáo thấy lực lượng bên nhóm người bị hại là mạnh hơn, lớn hơn; sự việc xảy ra là do phía người bị hại gây gổ trước, các bị cáo hành động bột phát, không có sự bàn bạc hoặc chuẩn bị hung khí trước, không có ý thức tước đoạt tính mạng của người bị hại; cơ quan tiến hành tố tụng chưa chứng minh được H đồng thuận với L trong việc tước đoạt tính mạng của anh D2 và đúng như bị cáo trình bày là nếu bị cáo chĩa súng vào người bị hại thì người bị hại không thể lao vào ôm bị cáo từ phía sau được. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tội danh của bị cáo sang tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Quan điểm của bị cáo Q: Bị cáo xông vào với mục đích để can ngăn vụ việc chứ hoàn toàn không có ý thức giết người, L có mang theo dao hay không, H mang theo súng hay không bị cáo không biết. Đề nghị xem xét lại tội danh của bị cáo.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Q: Tội danh của các bị cáo là chưa đúng vì các bị cáo không có mục đích giết người, không có sự bàn bạc trao đổi trước, không có sự chuẩn bị từ trước, bị cáo L thực hiện hành vi đâm người bị hại nhưng chỉ đâm vào vùng không trọng yếu là vùng đùi, mông. Nếu bị cáo có ý thức giết người thì hoàn toàn có thể đâm vào vùng trọng yếu của người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 01 (vụ án Đồng Xuân Phương) để xem xét tội danh của các bị cáo.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo L: Trong vụ án này, người bị hại chủ động gây sự với nhóm các bị cáo, các bị cáo không có mục đích giết người, không có sự bàn bạc trao đổi trước, không có sự chuẩn bị từ trước, bị cáo thực hiện hành vi đâm người bị hại thì chỉ đâm vào vùng không trọng yếu trên cơ thể là vùng đùi, vùng mông của người bị hại, mục đích để giải thoát cho H. Đề nghị chuyển tội danh cho bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá các tình tiết có trong hồ sơ vụ án cũng như hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá việc các bị cáo có những lời khai khác nhau trong quá trình giải quyết vụ án; đồng thời, đánh giá nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N cũng như nội dung kháng cáo về tội danh và xin giảm hình phạt của các bị cáo Q, L và H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù các bị cáo có sự thay đổi lời khai và cho rằng trong quá trình điều tra đã bị bức cung, nhục hình nhưng căn cứ vào bản tự tường trình khi đến cơ quan điều tra đầu thú, các bản cung do các bị cáo khai báo với sự có mặt của các Luật sư khi lấy lời khai hoặc trên cơ sở các buổi lấy lời khai có ghi âm, ghi hình thấy các bị cáo khai như sau: Q thừa nhận gọi N đuổi theo nhóm anh D2, đánh anh D2 “Cho bõ tức”, Q nghe và thấy H giơ súng dọa bắn anh D2 (BL 220, 226, 227); Nguyễn Văn H khai L điều khiển xe chở Q và H đuổi theo nhóm anh D2, chèn xe nhau ngã, Q hô “Thằng H lấy súng ra bắn chết mẹ hắn đi”, H lấy súng ra giơ trước mặt anh D2 dọa “Mì có tin tao bắn chết không” (BL 457, 458, 465, 466, 467); L khai Q bảo đuổi theo nhóm anh D2, hô H rút súng ra, L đánh và dùng dao đâm anh D2 nhiều nhát vào vùng mông và đùi, không biết trúng mấy nhát (BL 489); Tống Văn N, Hà Việt A1 và Trịnh Tuấn A2 đều khai nghe Q, H và L bảo “Cầm đồ đi theo”; lời khai của các nhân chứng là những người bạn gái có mặt tại phòng trọ của H khai thấy các bị cáo gọi nhau mang theo hung khí để đuổi đánh nhau. Đối chiếu lời khai nhận về hành vi của các bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau, phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại

phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, phù hợp với bản kết luận giám định, với lời khai của người bị hại là anh Đ2, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội. Ngoài ra, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Do bức tức vì bị nhóm anh D2 khiêu khích, Hà Quang L dùng xe máy Dream chở Q ngồi giữa, H ngồi sau đeo túi da bên trong đựng một khẩu súng ngắn (Loại súng hơi ga bắn đạn bi). N điều khiển xe máy chở Việt A1 cầm một thanh kiếm và Tuấn A2 cầm một đoạn tuýp sắt, một đoạn gậy gỗ. Khi đuổi kịp, L rồ ga vượt lên phía trước anh D2. Thấy vậy, anh D2 cũng rồ ga tiến lên chèn ép xe L và nói “Bay thích đánh nhau à”, rồi tiếp tục ép xe và dùng chân đạp vào xe L. Hai xe ép nhau đến đoạn đường trước khu vực công ty TNHH “RollSport” thuộc địa phận khu phố Bà Triệu, thị trấn TS thì va chạm khiến tất cả những người trên hai xe đều ngã xuống đường. Lúc này Phạm Xuân Q nói “Thằng H lấy súng ra bắn chết mẹ hắn đi”, ngay lập tức H đứng dậy lấy súng giờ trước mặt anh D2 và nói “Mi có tin tao bắn chết không”. Bị H dùng súng dọa bắn, anh D2 lao vào ôm giằng co súng với H. Thấy vậy, Phạm Xuân Q và Hà Quang L cùng lao vào đánh anh D2. Q dùng tay phải đâm vào mặt anh D2, ôm kéo anh D2 ra khỏi H. L dùng tay đâm vào đầu anh D2, sau đó dùng dao bấm gấp đem theo đâm anh D2 nhiều nhát vào vùng mông và đùi. Lúc này em trai anh D2 là anh Đ2 và nhóm bạn cũng vừa đi xe máy đến thấy anh trai mình bị đánh, anh Đ2 xuống xe lao vào can ngăn. Tống Văn N điều khiển xe máy chở Việt A1 và Tuấn A2 đến, khi anh Đ2 đang giằng co với L, H và Q thì N chủ động dừng xe cho Việt A1 cầm kiếm, Tuấn A2 cầm gậy gỗ tròn đuổi đánh anh Đ2. Tuấn A2 đuổi anh Đ2 một đoạn không được thì quay lại. Việt A1 tiếp tục cầm kiếm đuổi chém trúng hai nhát vào người anh Đ2, anh Đ2 chạy được vào nhà dân nhờ giúp, Việt A1 không đuổi nữa. Sau khi bị đâm, anh D2 bị mất máu choáng gục ngã ngay tại chỗ. Thấy vậy, H và Q lên xe máy do L điều khiển, còn Tuấn A2, Việt A1 lên xe máy do N điều khiển bỏ chạy khỏi hiện trường. Anh Đ2 cùng mọi người đưa anh D2 đến Bệnh viện đa khoa huyện TS, nhưng anh D2 đã chết. Anh Trịnh Văn Đ2 sau khi được sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện TS thì được chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

Do có các hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; xét xử các bị cáo Hà Việt A1 và Tống Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nhưng thể hiện sự liều lĩnh, rất manh động, các bị cáo thường tụ tập với nhau và luôn mang theo hung khí, chỉ cần một mâu thuẫn nhỏ là lập tức đuổi đánh nhau, bất chấp trật tự kỷ cương xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất côn đồ và đã gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là chết người. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để không những cải tạo, giáo dục các bị cáo mà còn có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

Xét kháng cáo của các bị cáo Q, H và L kêu oan về tội danh, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa thì có thể kết luận bị cáo Hà Quang L là người trực tiếp dùng dao đâm anh D2 nhiều nhất, là nguyên nhân gây ra cái chết cho người bị hại là anh D2. Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc trước, nhưng cùng đi chung trên một xe, cùng có sự phối hợp về lời nói và hành động hỗ trợ nhau liên tục trong khoảng thời gian xảy ra vụ án, các bị cáo cùng có sự thống nhất ý trí về việc cùng tấn công người bị hại. Hành vi của các bị cáo có sự liên quan với nhau, Q là người hô H lấy súng ra bắn, H lấy súng ra dọa bắn thì bị anh D2 ôm giữ; sau đó, Q, L cùng đánh anh D2 và L dùng dao đâm anh D2 để hỗ trợ cho H. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo cho rằng không có ý thức giết người, việc người bị hại chết là ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo nên các bị cáo không phạm tội “Giết người” như bản án sơ thẩm quy kết. Tuy nhiên, hậu quả thực tế xảy ra là người bị hại chết do nguyên nhân là bị bị cáo L dùng dao đâm nhiều nhất, việc Hà Quang L sử dụng dao nhọn đâm nhiều nhất từ dưới lên vào vùng hông và đùi của người bị hại đến khi thấy anh D2 gục ngã mới dùng T3 công, bị cáo cho rằng không mong muốn người bị hại chết nhưng hành vi của các bị cáo lại thể hiện sự cố ý về hành vi và có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H về tội “Giết người” theo qui định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan.

Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm hình phạt thấy:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tống Văn N thể hiện sự thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phạm tội do có trình độ văn hóa thấp, bị cáo Q đã đầu thú, bị cáo H có bố là thương binh (BL 453), các bị cáo Q, L, H và N đã động viên gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại; bị cáo N được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và trong vụ án này, phía người bị hại là người chủ động gây sự trước. Tuy nhiên, các tình tiết nêu trên đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đều không có tình tiết giảm nhẹ đáng kể nào mới nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H và Tống Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H và Tống Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn